

Số: 271/2023/QĐST-HNGĐ

Hạ L, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 271/2023/TLST-HNGĐ ngày 23-11-2023 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1984;

2. Chị Phạm Minh Th, sinh năm 1989;

Đều có địa chỉ nơi thường trú: tổ 2, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Phạm Minh Th tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 06-5-2013. Nên hôn nhân giữa anh H và chị Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh H và chị Th chung sống hạnh phúc đến ngày 30-4-2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chị Th không được thoải mái, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh H và chị Th đã sống ly thân từ ngày 30-4-2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh H và chị Th đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh H và chị Th thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh H và chị Th có 01 con chung là Bùi Phạm Gia L, sinh ngày 08-7-2017. Hiện nay cháu L có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh H và

chị Th thỏa thuận giao con chung là Bùi Phạm Gia L cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận nêu trên giữa anh H và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị Th thỏa thuận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh H và chị Th là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị Th thỏa thuận anh H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 12-12-2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Phạm Minh Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bùi Văn H và chị Phạm Minh Th có 01 con chung là Bùi Phạm Gia L, sinh ngày 08-7-2017. Hiện nay cháu L có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh H và chị Th thỏa thuận giao con chung là Bùi Phạm Gia L cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh H và chị Th thỏa thuận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh H và chị Th thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị Th thỏa thuận anh H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000235 ngày 22-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Anh H; chị Th;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND xã T, TX. Q,
tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga